



yǐng yìn

影印

verb · to photocopy; photocopying

Example Sentences

Qǐng bǎ zhè fèn wén jiàn yǐng yìn sān fèn
请把这份文件影印三份。

Please make three photocopies of this document.

Yǐng yìn jī huài le xū yào xiū lǐ
影印机坏了，需要修理。

The photocopier is broken and needs repair.

Trace each character, then write the word on your own.

影	影	影	影	影	影	影	影	影	影	影
影	影	影	影	影	影	影				

印	印	印	印	印	印	印	印			